TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03 – 8 – 2020
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

2. Ông Nguyễn Quốc Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Võ Tuấn K, sinh năm 1986.

Địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã TB, huyện ThB, tỉnh ĐT.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1986.

HKTT: Ấp TH, xã TB, huyện ThB, tỉnh ĐT.

Địa chỉ cư trú: Ấp TA, xã TH, huyện ThB, tỉnh ĐT.

Anh Võ Tuấn K có mặt tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Ánh N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Anh Võ Tuấn K trình bày:

Về hôn nhân: Anh Võ Tuấn K và Chị Nguyễn Thị Ánh N kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TB, huyện TB, tỉnh ĐT vào ngày 30/11/2007. Hôn nhân giữa Anh K và Chị N được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016, sau đó, phát sinh nhiều

mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2017 đến nay, khoảng thời gian sống xa nhau vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Anh Võ Tuấn K nhận thấy không còn tình cảm với chị Nguyễn Thị Ánh N.

Anh Võ Tuấn K yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Ánh N.

Về con chung: Anh K và chị N có một con chung tên Võ Hoàng K1, sinh ngày 17/5/2009. Hiện nay con chung đang sống chung với Anh K. Anh K yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Võ Hoàng K1, sinh ngày 17/5/2009, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Ánh N không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);

- Giấy khai sinh của Võ Hoàng K1 (Bản sao);

- Đơn xin xác nhận (Bản chính, viết tay gồm 02 trang, đề ngày 16/3/2020, do Anh Võ Tuấn K ký tên).

- Đơn xin xác nhận ngày 17/3/2020 (Bản chính, đánh máy gồm 01 trang, do Anh Võ Tuấn K ký tên, có xác nhận của Ban giám hiệu trường Tiểu học TB2).

- Bản khai của Võ Hoàng K1 ngày 05/3/2020 (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu của anh Võ Tuấn K và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Ánh N cư trú tại Ấp TA, xã TH, huyện ThB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Ánh N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Võ Tuấn K yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ánh N.

Xét thấy, anh K và chị N kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND

xã TB, huyện TB, tỉnh ĐT vào ngày 20/11/2007, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống thường xuyên cãi nau. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2017 đến nay, khoảng thời gian sống xa nhau vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hơn nữa, hiện nay anh K và chị N không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không tôn trọng nhau, không tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa anh K và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, anh Võ Tuấn K yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Ánh N là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh K yêu cầu nuôi con chung tên Võ Hoàng K1, sinh ngày 17/5/2009.

Xét thấy, hiện nay Anh K đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Võ Hoàng K1. Anh K có tạo điều kiện cho cháu K1 theo học tại Trường Tiểu học Tân Bình 2 có xác nhận của Nhà trường. Hơn nữa, hiện nay anh K có mở cơ sở Cơ điện lạnh, có thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng cho cháu K1. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống, để đảm bảo cho cháu K1 phát triển toàn diện cả vật chất lẫn tinh thần cần giao cháu K11 cho anh K nuôi dưỡng. Vì vậy, Anh K yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Võ Hoàng K1, sinh ngày 17/5/2009 là có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh K không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh K xác định là không có, chị N không có Văn bản yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Võ Tuấn K phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Võ Tuấn K.

- Về hôn nhân: Anh Võ Tuấn K được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ánh N.

- Về con chung: Giao con chung tên Võ Hoàng K1, sinh ngày 17/5/2009 cho Anh Võ Tuấn K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu K1 thành niên và có khả năng lao động, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh K không yêu cầu.

Anh K và chị N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Võ Tuấn K phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BI/2019/0001767 ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, anh K đã nộp xong tiền án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- CCTHA DS huyện Thanh Bình;
- UBND xã TB, huyện ThB, tỉnh ĐT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Võ Văn Hồng Biên